

Cơ quan quản lý cấp trên: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Tây Ninh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Tây Ninh

Mã đơn vị: 1023459

Loại hình đơn vị: Cơ quan hành chính nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC
NĂM 2024

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
					Trong đó	Nguồn NS	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô		5	4.007.181.400	4.007.181.400	-	2.456.611.647							
1	Ô tô Toyota Corolla-Altis 5 chỗ BS: 70B-009.64	Cơ quan	1	818.930.700	818.930.700		709.685.344		X					
2	Ô tô Toyota Corolla-Altis 5 chỗ BS: 70B-009.65	Cơ quan	1	818.930.700	818.930.700		709.685.344		X					
3	Xe ô tô TOYOTA LAND CRUISER-GX 7 chỗ BS: 70B-0377	Cơ quan	1	315.000.000	315.000.000		230.958.000		X					
4	Xe ô tô 16 chỗ FORĐ TRANSIT 70A-002.32	Cơ quan	1	916.000.000	916.000.000		427.222.400		X					
5	Xe ô tô Toyota Hiace 16 chỗ BS: 70A-001.92	Cơ quan	1	1.138.320.000	1.138.320.000		379.060.560		X					
II	Tài sản cố định khác		177	7.000.589.907	7.000.589.907	-	2.926.129.123							
1	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	PB Hương	1	12.950.000	12.950.000		-							
2	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	PCVP Thư	1	12.950.000	12.950.000		-							

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai										Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác					
				Trong đó															
				Tổng cộng	Nguồn NS	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15					
3	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	Phước	1	12.950.000	12.950.000		-												
4	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	Nhung	1	12.950.000	12.950.000		-												
5	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	TP Nhân	1	12.950.000	12.950.000		-												
6	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	Nga	1	12.950.000	12.950.000		-												
7	CPU Intel Core i5-6400	Phòng HCTCQT	1	11.700.000	11.700.000		-												
8	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	PP Phương	1	12.970.000	12.970.000		-												
9	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Cần	1	12.970.000	12.970.000		-												
10	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Ninh	1	12.970.000	12.970.000		-												
11	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Nhi	1	12.970.000	12.970.000		-												
12	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Tâm	1	12.970.000	12.970.000		-												
13	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Hùng	1	12.970.000	12.970.000		-												
14	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Lộc	1	12.970.000	12.970.000		-												
15	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	PTP Trung	1	12.970.000	12.970.000		-												

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai										Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác					
				Trong đó															
				Tổng cộng	Nguồn NS	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15					
16	Máy vi tính bộ ASUS	Linh	1	12.950.000	12.950.000		-												
17	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
18	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
19	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
20	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
21	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
22	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
23	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
24	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
25	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
26	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
27	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
28	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
29	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
30	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
31	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
32	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai					Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Trong đó											
				Tổng cộng	Nguồn NS	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
33	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000								
34	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000								
35	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000								
36	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000								
37	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000								
38	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000								
39	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000								
40	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000								
41	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000								
42	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000								
43	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000								
44	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000								
45	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000								
46	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000								
47	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000								
48	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000								
49	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HDND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000								

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai											Mục đích sử dụng				
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác					
				Trong đó															
				Tổng cộng	Nguồn NS	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15					
50	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HEND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
51	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HEND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
52	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HEND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
53	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HEND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
54	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HEND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
55	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HEND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
56	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HEND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
57	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HEND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
58	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HEND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
59	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HEND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
60	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HEND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
61	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HEND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
62	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HEND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
63	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HEND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
64	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HEND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
65	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HEND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												
66	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HEND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000												

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai							Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác		
				Trong đó												
				Tổng cộng	Nguồn NS	Nguồn khác										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
67	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HĐND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000									
68	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	DB HĐND	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000									
69	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	Dự phòng	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000									
70	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	Dự phòng	1	17.835.000	17.835.000		7.134.000									
71	Máy tính xách tay HP Probook 440G6	CVP Khánh	1	14.500.000	14.500.000		-									
72	Máy tính xách tay HP Probook 440G7	PCT Thy	1	14.500.000	14.500.000		-									
73	Máy tính HP Probook 440G8	PCVP Linh	1	15.000.000	15.000.000		3.000.000									
74	Máy tính HP Probook 440G8	PB Cường	1	15.000.000	15.000.000		3.000.000									
75	Máy tính HP Probook 440G8	PB Chi	1	15.000.000	15.000.000		3.000.000									
76	Máy tính HP Probook 440G8	PB Khánh	1	15.000.000	15.000.000		3.000.000									
77	Máy tính HP Probook 440G8	PB Tâm	1	15.000.000	15.000.000		3.000.000									
78	Máy tính xách tay HP 348 G7 Notebook PC	PCT Thy	1	14.215.177	14.215.177		5.686.072									
79	Máy tính xách tay HP 348 G7 Notebook PC	PD Thúy	1	14.215.177	14.215.177		5.686.072									
80	Máy tính xách tay HP 348 G7 Notebook PC	PCVP Chi	1	14.215.177	14.215.177		5.686.072									
81	Máy tính xách tay HP 348 G7 Notebook PC	PTP Dung	1	14.215.177	14.215.177		5.686.072									

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai							Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác			
				Tổng cộng	Trong đó												
					Nguồn NS	Nguồn khác											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15			
82	Máy vi tính xách tay HP Probook 430G4 Z6T06PA (Bạc)	Thảo	1	13.000.000	13.000.000		-										
83	Máy vi tính xách tay HP Probook 430G4 Z6T06PA (Bạc)	PP Ngọc	1	13.000.000	13.000.000		-										
84	Máy tính xách tay HP Core i3 -1115G4	PB Sơn	1	13.300.000	13.300.000		7.980.000										
85	Máy scan HP 7000S3	Văn thư	1	22.000.000	22.000.000		4.400.000										
86	Máy in siêu tốc Duplo DP-T450	P.Photo	1	190.230.000	190.230.000		-										
87	Máy photo Canon IR2530	P.Photo	1	63.500.000	63.500.000		-										
88	Máy photo Canon IR2635	P.Photo	1	90.000.000	90.000.000		31.500.000										
89	Máy Photocopy Canon IR2530	P.Photo	1	63.500.000	63.500.000		-										
90	Máy Photocopy Canon IR2530W	P.Photo	1	89.850.000	89.850.000		-										
91	Máy ảnh Nikon	Tâm	1	31.000.000	31.000.000		-										
92	Bộ điều khiển trung tâm Bosh CCS-CUD	PHI	1	28.840.000	28.840.000		-										
93	Máy lạnh Toshiba 18WP	CVP Khánh	1	10.599.999	10.599.999		-										
94	Máy lạnh 2HP	PB Khánh	1	14.350.600	14.350.600		-										
95	Máy lạnh 2HP	PB Tâm	1	14.350.600	14.350.600		-										
96	Máy lạnh 2HP	PCVP Linh	1	14.350.600	14.350.600		-										
97	Máy lạnh 2HP	Đội xe	1	14.350.600	14.350.600		-										

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai							Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác		
					Trong đó											
					Nguyên NS	Nguyên khác										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
98	Máy lạnh Toshiba 2HP	PCT Phong	1	15.900.000	15.900.000		1.987.500									
99	Máy lạnh Toshiba	PB Thủy	1	17.560.000	17.560.000		4.390.000									
100	Máy lạnh Toshiba	Phòng HCTCQT (Phòng Kế toán)	1	17.560.000	17.560.000		4.390.000									
101	Máy lạnh Toshiba	PCVP Chi	1	17.560.000	17.560.000		4.390.000									
102	Máy lạnh Toshiba	Phòng HCTCQT (PP Nhân)	1	19.831.500	19.831.500		4.957.873									
103	Máy lạnh Toshiba	Phòng CTQH	1	19.831.500	19.831.500		4.957.873									
104	Máy lạnh Panasonic Inverter 2HP	Lễ tân	1	24.500.000	24.500.000		15.312.500									
105	Máy lạnh Panasonic Inverter 2HP	Lễ tân	1	24.500.000	24.500.000		15.312.500									
106	Máy lạnh Panasonic Inverter 2HP	Nhà ăn	1	24.500.000	24.500.000		15.312.500									
107	Máy lạnh Panasonic Inverter 2HP	Nhà ăn	1	24.500.000	24.500.000		15.312.500									
108	Máy lạnh Toshiba 2HP Inverter	PCT Thy	1	17.000.000	17.000.000		14.875.000									
109	Máy lạnh Toshiba Inverter 2HP RAS-H18S4KCV2G-V	PB Chi	1	17.500.000	17.500.000		15.312.500									
110	Bàn làm việc (Chủ tịch)	PCT Thy	1	13.860.000	13.860.000		-									
111	Bàn làm việc (PCT)	PB Chi	1	11.880.000	11.880.000		-									
112	Bàn làm việc (PCT)	PCT Phong	1	11.880.000	11.880.000		-									
113	Salon gỗ (lễ tân)	Lễ tân	1	77.000.000	77.000.000		-									



Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai										Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác					
				Tổng cộng	Trong đó														
					Nguồn NS	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15					
114	Salon triển cột (Chủ tịch)	PCT Thy	1	33.660.000	33.660.000		-												
115	Salon mẫu đào (Phó CT)	PB Chi	1	24.750.000	24.750.000		-												
116	Salon mẫu đào (Phó CT)	PCT Phong	1	24.750.000	24.750.000		-												
117	Salon mẫu gỗ cẩm thi (CVP)	PCVP Thu	1	17.820.000	17.820.000		-												
118	Salon mẫu Đài Loan	PB Cường	1	11.275.000	11.275.000		-												
119	Salon mẫu Đài Loan	PB Sơn	1	11.275.000	11.275.000		-												
120	Salon mẫu Đài Loan	PB Tâm	1	11.275.000	11.275.000		-												
121	Salon mẫu Đài Loan	PD Thúy	1	11.275.000	11.275.000		-												
122	Bộ bàn ghế Salon cẩm	PB Hương	1	12.600.000	12.600.000		-												
123	Bộ bàn ghế Salon cẩm	PCVP Chi	1	13.935.000	13.935.000		-												
124	Bộ bàn ăn nhà bếp	Nhà ăn	1	21.570.000	21.570.000		13.481.250												
125	Bộ bàn ăn nhà bếp	Nhà ăn	1	21.570.000	21.570.000		13.481.250												
126	Bộ bàn ăn nhà bếp	Nhà ăn	1	21.570.000	21.570.000		16.177.500												
127	Bộ bàn ăn nhà bếp	Nhà ăn	1	21.570.000	21.570.000		16.177.500												
128	Ghế đại biểu (lễ tân)	Lễ tân	1	16.500.000	16.500.000		-												
129	Ghế đại biểu (lễ tân)	Lễ tân	1	16.500.000	16.500.000		-												
130	Ghế đại biểu (lễ tân)	Lễ tân	1	16.500.000	16.500.000		-												
131	Ghế đại biểu (lễ tân)	Lễ tân	1	16.500.000	16.500.000		-												

[illegible]



Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai							Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác			
				Tổng cộng	Trong đó												
					Nguồn NS	Nguồn khác											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15			
147	Thiết bị định tuyến không dây Cisco Air-CAP2702E -E-K9	HCTCQT	1	21.000.000	21.000.000												
148	Thiết bị định tuyến không dây Cisco Air-CAP2702E -E-K9	HCTCQT	1	21.000.000	21.000.000												
149	Thiết bị định tuyến không dây Cisco Air-CAP2702E -E-K9	HCTCQT	1	21.000.000	21.000.000												
150	Thiết bị định tuyến không dây Cisco Air-CAP2702E -E-K9	HCTCQT	1	21.000.000	21.000.000												
151	Thiết bị chuyển mạch 24port Cisco WS-C2960 + 24TC-S	HCTCQT	1	14.000.000	14.000.000												
152	Thiết bị chuyển mạch 24port Cisco WS-C2960 + 24TC-S	HCTCQT	1	14.000.000	14.000.000												
153	Thiết bị lưu điện UPS APC Smart-UPS 2200VA	HCTCQT	1	18.000.000	18.000.000												
154	Thiết bị lưu điện UPS APC Smart-UPS 2200VA	HCTCQT	1	18.000.000	18.000.000												
155	Draytek Vigor 3900 Router Firewall	HCTCQT	1	22.000.000	22.000.000												
156	Draytek Vigor 3900 Router Firewall	HCTCQT	1	22.000.000	22.000.000												
157	Phòng hội trường + lễ tân	Lễ tân	1	14.392.224	14.392.224												
158	Thảm lót sàn 128m2	PH1	1	89.600.000	89.600.000		56.000.000										
159	Màn cửa vải gấm 81,76m2	PH1	1	32.704.000	32.704.000		20.440.000										
160	Thảm lót sàn 23,6m2	PH2	1	16.520.000	16.520.000		10.325.000										

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai							Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh kết	Sử dụng khác		
					Trong đó												
					Nguồn NS	Nguồn khác											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15			
161	Thảm lót sàn 45,82m2	Lễ tân	1	32.074.000	32.074.000		20.046.250										
162	Màn cửa vải gấm 34,16m2	Lễ tân	1	13.664.000	13.664.000		8.540.000										
163	Màn cửa vải gấm 34,16m2	Nhà ăn	1	13.664.000	13.664.000		8.540.000										
164	Máy phát điện chạy tự động Emerson Liebert ITA	Lầu 1	1	300.000.000	300.000.000		-										
165	Cây xanh, hòn non bộ	Trụ sở HĐND	1	59.600.000	59.600.000		-										
166	Thiết bị hội nghị truyền hình Group 500-12x	PH1	1	334.049.000	334.049.000		66.809.800										
167	Smart Tivi 85 inch QA85Q70A	PH1	1	77.000.000	77.000.000		15.400.000										
168	Smart Tivi 85 inch QA85Q70A	PH1	1	77.000.000	77.000.000		15.400.000										
169	Màn hình 85 inch Samsung Crystal UHD 4K BU8000 (UA85BU8000KXXV)	PH1	1	58.070.283	58.070.283		34.842.169										
170	Màn hình 85 inch Samsung Crystal UHD 4K BU8000 (UA85BU8000KXXV)	PH1	1	58.070.283	58.070.283		34.842.169										
171	Màn hình 85 inch Samsung Crystal UHD 4K BU8000 (UA85BU8000KXXV)	PH1	1	58.070.283	58.070.283		34.842.169										
172	Màn hình 43 inch Samsung UHD 4K AU7700 (UA43AU7700KXXV)	PH1	1	22.455.951	22.455.951		13.473.571										
173	Phần mềm Microsoft Window Small		1	22.122.000	22.122.000												

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai					Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Trong đó											
				Tổng cộng	Nguồn NS	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
174	Phần mềm Microsoft MS		1	25.804.000	25.804.000										
175	Phần mềm Kế toán Misa 2017		1	13.500.000	13.500.000										
176	Phần mềm phục vụ trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH-HĐND		1	442.990.000	442.990.000										
177	Tài sản dự án "Sửa chữa, cải tạo khối nhà làm việc Đoàn ĐBQH tỉnh, nhà làm việc HĐND tỉnh, nhà xe ô tô, nhà ở công an bảo vệ, nhà ở lái xe"		1	2.014.272.876	2.014.272.876		1.933.701.961								
Tổng cộng				182	11.007.771.307	11.007.771.307	-	5.382.740.770							

Người lập biểu



Lê Thị Anh Thư

Ngày 10 tháng 02 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Tuyết Thư